

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 756 /NMĐTĐB2-TM

Hưng Yên, ngày 08 tháng 5 năm 2026

V/v cung cấp báo giá dịch vụ thí nghiệm phân tích, đánh giá chất lượng dầu máy biến áp của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu Cung cấp dịch vụ thí nghiệm phân tích, đánh giá chất lượng dầu máy biến áp của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tương tự. Do đó, Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc: như *Phụ lục 01 đính kèm*.
- Thời điểm dự kiến sử dụng dịch vụ: tháng 09 và 10/2026.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00 ngày 18/05/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hoàng Kim Trung, Phòng Thương mại;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0888606290; Email: trunghk@pvpgb.vn; sonmt@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- Giám đốc: N.A.Tuấn (để b/c);
- PGĐ. N.V.Chung (e-copy);
- Các Phòng/PX: KTATMT, KHTC, BDSC (để p/h);
- Lưu: VT, TM (H.K.T: 1 b).

Đính kèm:

- Phụ lục 01.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

PHỤ LỤC 01 - PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm văn bản số 756 /NMĐTB2-TM ngày 08 /05/2026)

STT	Thiết bị	KKS	Thông số kỹ thuật	Nội dung phân tích và tiêu chuẩn áp dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Thời điểm cần sử dụng
I	MBA tự dùng							
1	Thân MBA tự dùng TD91/92	11BBT10 21BBT10	86/43-43MVA (ONAN) 112/56-56MVA (ONAF) 23.5KV/10.5KV	Các chỉ tiêu phân tích bao gồm: + Điện áp đánh thủng (Dielectric strength ASTM D1816-97, kV minimum, 2 mm gap) + Sức căng bề mặt (Interfacial tension, ASTM D971-99a, mN/m minimum) + Hàm lượng nước trong dầu (Water content (mg/kg at 50°C)); + Chỉ số axit (Neutralization number (acidity), ASTM D974-02, mg KOH/g maximum)); + Nhiệt độ chớp cháy cốc kín; + Tổn hao điện môi (Dissipation factor (power factor), ASTM D924-99e1, 100°C, % maximum) + Hàm lượng chất ức chế oxy hóa (Oxidation Inhibitor Content, ASTM D2668-96, Type II oil) + Điện trở suất khối tại 50°C (Ω.cm). + Hàm lượng khí hòa tan trong dầu: O2, N2, H2, CO, CO2, CH4, C2H2, C2H4, C2H6, Tổng hàm lượng khí cháy	Mẫu	2	Tần suất 01 lần/năm/máy	Tổ máy 2: tháng 9/2026 Tổ máy 1: tháng 10/2026
2	OLTC MBA tự dùng TD91/92	11BBT10 21BBT10			Mẫu	2	Tần suất 01 lần/năm/máy	
3	Máy biến áp tự dùng chung T3	00ADA01GT 101	225 ± 10x1%/10.5/10.5 kV Yn/Yn/Yn/ -12-11 86/43/43 MVA (ONAN) 112/56/56 MVA (ONAF)		Mẫu	1	Tần suất 01 lần/năm/máy	Tháng 9/2026
4	OLTC máy biến áp tự dùng chung T3	00ADA01GT 101			Mẫu	1	Tần suất 01 lần/năm/máy	Tháng 9/2026
II	MBA chính							
3	Thân MBA chính T1/T2	11BAT10 21BAT10	450/750 (ONAN/ONAF) 220kV/23,5KV Khối lượng dầu 106100 lít/ máy		Mẫu	2	Tần suất 01 lần/năm/máy	Tổ máy 2: tháng 9/2026 Tổ máy 1: tháng 10/2026
4	OLTC MBA chính T1/ T2	11BAT10 21BAT10			Mẫu	2	Tần suất 01 lần/năm/máy	
III	MBA hệ thống ESP							



STT	Thiết bị	KKS	Thông số kỹ thuật	Nội dung phân tích và tiêu chuẩn áp dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Thời điểm cần sử dụng
1	Máy biến áp ESP Tổ máy S1, S2	14/24HDE11/ 12/13/14 GT011/021/03 1/041	206,91kVA 400VAC/110kVDC	Thí nghiệm dầu bao gồm: + Điện áp đánh thủng 2,5mm; + Hàm lượng nước; + Chỉ số axit (TAN); + Nhiệt độ chớp cháy cốc kín; + Tg góc tổn hao điện môi ở 90 độ C; + Điện trở suất khối tại 50°C ($\Omega \cdot \text{cm}$) + Hàm lượng khí hòa tan trong dầu: O ₂ , N ₂ , H ₂ , CO, CO ₂ , CH ₄ , C ₂ H ₂ , C ₂ H ₄ , C ₂ H ₆ , Tổng hàm lượng khí cháy.	Mẫu	32	Tần suất 01 lần/năm/ máy	Tổ máy 2: tháng 9/2026 Tổ máy 1: tháng 10/2026

